

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**ỦY BAN DÂN TỘC -
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN
THÔNG - BỘ VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2012/TTLT-UBDT-
BTTTT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015

Căn cứ Nghị định số 84/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền Thông;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015,

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quyết định số 2472/QĐ-TTg).

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc cấp (không thu tiền) một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015; được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương và cá nhân thực hiện Quyết định số 2472/QĐ-TTg.

Điều 2. Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn

1. 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và 07 huyện nghèo theo Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là 69 huyện nghèo).

2. Các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo:

a) Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

b) Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

c) Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa giai đoạn 1995 - 2005, bổ sung các xã, thôn, bản vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II và các xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo vào diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;

d) Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

đ) Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

e) Các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế danh sách các xã đặc biệt khó khăn (nếu có).

3. Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn:

a) Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

b) Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

c) Các quyết định khác của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế danh sách các thôn đặc biệt khó khăn.

4. Các xã biên giới, chùa Khmer, trường dân tộc nội trú.

Điều 3. Đối tượng và mức nhận các ấn phẩm báo, tạp chí

Thực hiện theo Điều 2 Quyết định số 2472/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

1. Cấp tỉnh

a) Ban Dân tộc hoặc cơ quan công tác dân tộc tỉnh, mỗi đơn vị được cấp 01 cuốn Tạp chí Dân tộc/kỳ phát hành;

b) Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, mỗi đơn vị được cấp 01 cuốn Tạp chí Văn hóa các dân tộc/kỳ phát hành.

2. Cấp huyện

a) Phòng Dân tộc hoặc cơ quan công tác dân tộc huyện, mỗi đơn vị được cấp 01 cuốn Tạp chí Dân tộc/kỳ phát hành;

b) Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, mỗi đơn vị được cấp 01 cuốn Tạp chí Văn hóa các dân tộc/kỳ phát hành;

c) Phòng Dân tộc của 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 04 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ báo Văn hóa; 01 tờ báo Nông thôn ngày nay; 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Khoa học và Đời sống)/kỳ phát hành.

3. Cấp xã

a) Ủy ban nhân dân các xã vùng dân tộc, miền núi, mỗi đơn vị được cấp 02 ấn phẩm, gồm: 01 cuốn Tạp chí Dân tộc; 01 cuốn Tạp chí Văn hóa các dân tộc/kỳ phát hành;

b) Ủy ban nhân dân xã của 69 huyện nghèo, Ủy ban nhân dân xã đặc biệt khó khăn, Ủy ban nhân dân xã biên giới nằm ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 09 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ báo Văn hóa; 01 tờ báo Tin tức; 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Sức khỏe và Đời sống); 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Khoa học và Đời sống); 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Công Thương); 01 tờ chuyên đề Dân tộc và Miền núi (Báo Lao động và Xã hội); 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Tài nguyên và Môi trường); 01 tờ chuyên đề Dân tộc, miền núi (Báo Pháp luật Việt Nam)/kỳ phát hành;

c) Ủy ban nhân dân xã biên giới, mỗi đơn vị được cấp 01 tờ phụ trương An ninh biên giới (Báo Biên phòng)/kỳ phát hành.

4. Các thôn bản

a) Thôn bản của 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 06 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ báo Văn hóa; 01 tờ báo Tin tức; 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Sức khỏe và Đời sống); 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Khoa học và Đời sống); 01 tờ chuyên đề Dân tộc và Miền núi (Báo Công Thương)/kỳ phát hành;

b) Thôn bản thuộc xã đặc biệt khó khăn ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 04 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ báo Văn hóa; 01 tờ báo Tin tức; 01 tờ chuyên đề Dân tộc và Miền núi (Báo Lao động và Xã hội)/kỳ phát hành;

c) Thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 02 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ báo Văn hóa/kỳ phát hành;

d) Thôn bản thuộc các xã biên giới, mỗi đơn vị được cấp 02 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển (trừ thôn bản các xã biên giới của 69 huyện nghèo); 01 tờ phụ trương An ninh biên giới (Báo Biên phòng)/kỳ phát hành.

5. Các đồn, trạm, đội công tác biên phòng, đội công tác 123 (Bộ Quốc phòng), mỗi đơn vị được cấp 03 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ phụ trương An ninh biên giới (trừ đội công tác 123); 01 cuốn Tạp chí Văn hóa các dân tộc (trừ đội công tác 123)/kỳ phát hành.

6. Chùa Khmer được cấp 02 ấn phẩm, gồm: 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển; 01 tờ báo Văn hóa/kỳ phát hành.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp

a) Hội nông dân xã, chi hội nông dân thôn bản của 69 huyện nghèo; hội nông dân xã đặc biệt khó khăn, chi hội nông dân thôn bản thuộc xã đặc biệt khó khăn; chi hội nông dân thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II nằm ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 01 tờ báo Nông thôn ngày nay/kỳ phát hành;

b) Khuyến nông xã, thôn bản của 69 huyện nghèo; khuyến nông xã đặc biệt khó khăn, khuyến nông xã biên giới nằm ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 01 tờ chuyên đề Dân tộc và Miền núi (Báo Nông nghiệp Việt Nam)/kỳ phát hành;

c) Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, ban công tác mặt trận các thôn bản của 69 huyện nghèo; Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã đặc biệt khó khăn, ban công tác mặt trận các thôn bản thuộc xã đặc biệt khó khăn; Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã biên giới nằm ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 01 tờ chuyên đề Dân tộc, miền núi (Báo Đại đoàn kết)/kỳ phát hành;

d) Hội phụ nữ xã, chi hội phụ nữ thôn bản của 69 huyện nghèo; hội phụ nữ xã đặc biệt khó khăn, chi hội phụ nữ thôn bản thuộc xã đặc biệt khó khăn; chi hội phụ

nữ thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II; hội phụ nữ xã biên giới, chi hội phụ nữ thôn bản thuộc các xã biên giới nằm ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 01 tờ chuyên đề Dân tộc và Miền núi (Báo Phụ nữ)/kỳ phát hành;

đ) Hội khuyến học xã thuộc 69 huyện nghèo, hội khuyến học xã đặc biệt khó khăn, hội khuyến học xã biên giới nằm ngoài 69 huyện nghèo, mỗi đơn vị được cấp 01 tờ chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi (Báo Khuyến học và Dân trí)/kỳ phát hành.

8. Các trường học

a) Các trường tiểu học, các trường phổ thông dân tộc bán trú cấp tiểu học thuộc các tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, mỗi lớp được cấp 01 tờ chuyên đề Măng non (Báo Nhi đồng)/kỳ phát hành;

b) Các trường trung học cơ sở, các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở thuộc các tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, mỗi lớp được cấp 01 tờ chuyên đề Thiếu nhi dân tộc (Báo Thiếu niên tiền phong)/kỳ phát hành;

c) Các trường phổ thông trung học dân tộc nội trú, mỗi đơn vị được cấp 02 ấn phẩm, gồm: 01 cuốn Tạp chí Dân tộc; 01 cuốn Tạp chí Văn hóa các dân tộc/kỳ phát hành.

9. Người có uy tín, mỗi cá nhân được cấp 01 tờ báo Dân tộc và Phát triển/kỳ phát hành.

Điều 4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh bổ sung đối tượng, phương thức cấp ấn phẩm báo, tạp chí

1. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị của các cơ quan, đơn vị có sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung đối tượng cấp ấn phẩm báo, tạp chí kèm theo danh sách (mẫu ban hành theo thông tư này);

c) Văn bản, tài liệu chứng minh sự điều chỉnh, thay đổi về số lượng, đối tượng thuộc diện được cấp ấn phẩm báo, tạp chí (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổng hợp danh sách đề nghị với những đối tượng thuộc các ban ngành, huyện, xã, thôn bản, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, người có uy tín trên địa bàn; Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo và tổng hợp danh sách đề nghị với những đối tượng nêu tại Khoản 8 Điều 3; Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng chỉ đạo và tổng hợp danh sách đề nghị với những đối tượng là các đồn, trạm, đội công tác biên phòng, xã, thôn biên giới, gửi về Ủy ban Dân tộc trước ngày 25 tháng 11 hàng năm;